

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/DS-PT

Ngày: 13-01-2026

V/v “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Chí Công.

Ông Trần Văn Thương.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Huy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2025/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 293/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 319/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Văn C, sinh năm 1959 và bà Triệu Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: F P, phường T, tỉnh Gia Lai. Ông C vắng mặt, bà N có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Kim H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ D, phường H, tỉnh Gia Lai. Bà H vắng mặt.

34. Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Vũ Văn C và bà Triệu Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn là ông Vũ Văn C và bà Triệu Thị N trình bày:*

Vì có quan hệ là hàng xóm với nhau nên đầu tháng 9 năm 2018, bà Đặng Thị Kim H có sang nhà rủ vợ chồng ông bà chung nhau mua đất, ông bà đồng ý và hai bên thoả thuận tiền mua đất ông bà đi vay, trả lãi thì hai bên cùng chịu và lời lãi theo thoả thuận chia đôi việc thoả thuận này không được lập thành văn bản, chỉ thoả thuận bằng lời nói giữa hai bên. Sau khi thoả thuận ông bà có đưa cho bà H hai lần tiền, tổng cộng 700.000.000 đồng; gồm ngày 02-10-2018 đưa

300.000.000 đồng và ngày 16-10-2018 đưa 400.000.000 đồng. Theo ông bà được biết bà H dùng số tiền trên để nhận chuyển nhượng hai thửa đất và đã bán lời được một thửa với số tiền là 100.000.000 đồng nhưng không chia lời cho ông bà như đã thoả thuận, trong khi số tiền ông bà góp cho bà H mua đất là tiền ông bà vay ngân hàng và phải trả lãi cho ngân hàng. Ông bà thừa nhận đã nhận lại toàn bộ số tiền góp vốn cùng bà H là 700.000.000 đồng nhưng phải hơn hai năm sau tức đến ngày 15-5-2020 bà H mới hoàn tất việc trả tiền góp vốn cho ông bà. Trong khi thoả thuận giữa hai bên là lời lãi của việc bán đất chia đôi. Bà H bán lô đất lời được 100.000.000 đồng nhưng không chia cho ông bà. Ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Kim H phải trả cho ông bà 100.000.000 đồng là khoản tiền lãi của 700.000.000 đồng tiền góp vốn mà ông bà đã đưa cho bà H để mua đất, trong thời gian từ cuối năm 2018 đến ngày 15-5-2020 và số tiền lời bà H bán được đất, cũng như lời hứa của bà H dù lời hay lỗ cũng sẽ trả cho ông bà 100.000.000 đồng. Bà H đi mua bán đất không có mặt ông bà và bà H gian dối đứng tên bà H trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông bà thấy bà H không trung thực và ông bà không tin tưởng bà H nên ông bà mới rút vốn.

2. Bị đơn là bà Đặng Thị Kim H trình bày:

Bà có nhận 700.000.000 đồng do vợ chồng ông C, bà N góp vốn để cùng nhau mua đất chung, hai bên thoả thuận lời lãi chia đôi. Việc góp vốn này trên tinh thần tự nguyện và không hề có thoả thuận về nghĩa vụ trả lãi khi một trong hai bên rút vốn. Bà có nói với bà N về việc sẽ đưa cho ông C, bà N 100.000.000 đồng nhưng với điều kiện là ông C và bà N tiếp tục đáo hạn ngân hàng thêm 1 năm nữa và không rút vốn để bà xoay sở bán tài sản; tuy nhiên, ông C, bà N không đồng ý và giữ nguyên yêu cầu rút vốn. Do đó, bà đã trả tiền góp vốn và đến ngày 15-5-2019 đã trả hết 700.000.000 đồng cho bà N và bà N có ký trong giấy xác nhận, bà không vay mượn tiền hoặc nợ tiền ông C, bà N. Do vậy, bà không có nghĩa vụ phải trả số tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông C và bà N.

3. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2025/DS-ST ngày 05-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 120, 274, 275, 284, 504 và 510 của Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị N và ông Vũ Văn C về việc buộc bà Đặng Thị Kim H trả số tiền 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

4. *Kháng cáo:*

Ngày 09-9-2025, nguyên đơn là ông Vũ Văn C và bà Triệu Thị N có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Đặng Thị Kim H phải trả 100.000.000 đồng.

Bản án không bị kháng nghị; bị đơn không kháng cáo.

5. *Tại phiên toà phúc thẩm:*

- Bà Triệu Thị N không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm, người tham gia tố tụng bảo đảm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Vũ Văn C và bà Đặng Thị Kim H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Vũ Văn C và bà Triệu Thị N:

[2.1] Ông Vũ Văn C và bà Triệu Thị N đưa cho bà Đặng Thị Kim H hai lần tiền, tổng cộng 700.000.000 đồng (Ngày 02-10-2018, đưa 300.000.000 đồng và ngày 16-10-2018, đưa 400.000.000 đồng) để góp vốn mua đất chung với nhau và thỏa thuận tiền lời của việc chuyển nhượng đất sẽ được chia đôi; thỏa thuận giữa các bên bằng lời nói và không có lập thành văn bản. Bà Đặng Thị Kim H đã sử dụng 700.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng hai thửa đất và mang tên bà Đặng Thị Kim H là người sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì không tin tưởng bà Đặng Thị Kim H nên ông Vũ Văn C và bà Triệu Thị N yêu cầu bà Đặng Thị Kim H phải trả lại 700.000.000 đồng tiền góp vốn. Sau đó, bà Đặng Thị Kim H đã trả 700.000.000 đồng cho ông Vũ Văn C và bà Triệu Thị N.

[2.2] Ông Vũ Văn C và bà Triệu Thị N trình bày bà Đặng Thị Kim H đã chuyển nhượng một thửa đất mà ông bà góp vốn cùng mua và hưởng lợi 100.000.000 đồng. Theo thỏa thuận giữa các bên, bà Đặng Thị Kim H sẽ đưa cho ông bà 100.000.000 đồng này; tuy nhiên, bà Đặng Thị Kim H không thực hiện đúng cam kết. Đồng thời, ông bà không có tiền nên ông bà đã vay tiền ngân hàng để góp vốn mua đất với bà Đặng Thị Kim H và bà Đặng Thị Kim H cam kết sẽ trả tiền lãi cho ông bà. Vì vậy, ông bà yêu cầu bà Đặng Thị Kim H phải trả 100.000.000 đồng tiền lãi của 700.000.000 đồng tiền góp vốn tính từ cuối năm 2018 đến ngày 15-5-2020.

Yêu cầu của ông bà không được bà Đặng Thị Kim H chấp nhận; ông bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh rằng các bên có thỏa thuận về thời hạn góp vốn, thời hạn rút vốn cũng như nghĩa vụ trả lãi trong thời gian góp vốn, mức lãi suất là bao nhiêu và thời gian tính lãi như thế nào.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Vũ Văn C và bà Triệu Thị N về việc buộc bà Đặng Thị Kim H phải trả 100.000.000 đồng tiền lãi là có cơ sở.

[2.3] Từ những nhận định nói trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Vũ Văn C, bà Triệu Thị N là người cao tuổi và có Đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên ông Vũ Văn C, bà Triệu Thị N được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 120, 274, 275, 284, 504 và 510 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn C và bà Triệu Thị N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2025/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn C và bà Triệu Thị N về việc buộc bà Đặng Thị Kim H trả 100.000.000 đồng.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ Văn C và bà Triệu Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Vũ Văn C và bà Triệu Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 7 - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền